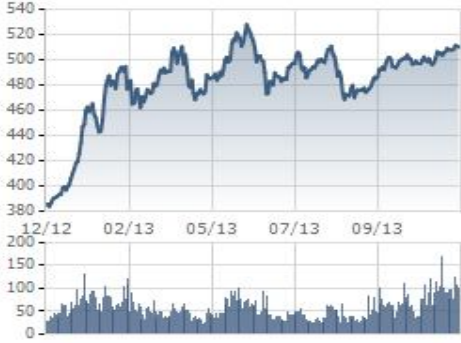


HOSE 06/12/2013

VNINDEX	510.12	0.09	0.02%
KLGD	78,639,080	CP	
GTGD	1,085.25	Tỷ	
GTR NDTNN	44.79	Tỷ	

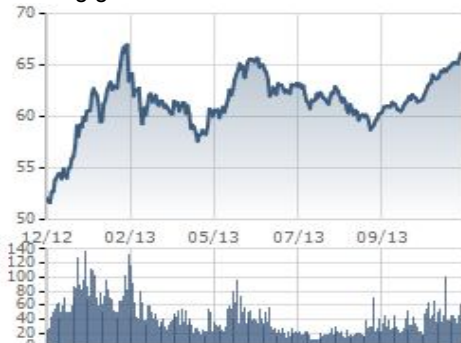
CP Tăng giá	108	CP
CP Giảm giá	102	CP
CP Đứng giá	94	CP



HNX 06/12/2013

HNXINDEX	66.09	0.02	0.03%
KLGD	32,877,687	CP	
GTGD	254.15	Tỷ	
GTR NDTNN	2.08	Tỷ	

CP Tăng giá	109	CP
CP Giảm giá	97	CP
CP Đứng giá	173	CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	570.11	0.93	0.16%
HNX30	124.95	-0.41	-0.33%

Tâm điểm

- ▶ **Giao dịch giảm co, 2 sàn tăng điểm nhẹ**
- ▶ **Thanh khoản sụt giảm mạnh trên cả 2 sàn**
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 1.300 tỷ đồng.
- ▶ **Ngân hàng Nhà nước sẽ thúc đẩy các ngân hàng lên sàn**
Việc niêm yết sẽ mang lại lợi ích cho các ngân hàng và cơ quan quản lý
Diễn Đàn Doanh Nghiệp
- ▶ **Đã đạt 92,5% kế hoạch xuất khẩu lao động năm 2013**
Thông tin từ Cục Quản lý lao động ngoài nước (Bộ LĐTBXH)
Chính Phủ
- ▶ **World Bank: Đầu tư vào các thị trường mới nổi sẽ giảm trong năm 2014**
Nguồn FDI đổ vào các nước đang phát triển dự kiến sẽ giảm 4,5% trong năm 2014
Reuters
- ▶ **PXS - Tiền mặt dồi dào, trả nợ trước hạn 160 tỷ đồng**
Hệ số nợ dài hạn trên tổng tài sản trước khi trả nợ sẽ giảm từ 0,47 xuống còn 0,28
Trí Thức Trẻ
- ▶ **DPR - Tỷ suất lợi nhuận và năng suất khai thác mỏ cao**
Kỳ vọng nắm giữ với giá mục tiêu 53.000 đồng
Nguyetva

Thị trường / Ngành

Theo thị trường	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
HOSE	852,439	2,362	12.3	3.0	2.88
HNX	104,548	722	16.6	1.6	4.26
Toàn bộ thị trường	956,987	1,859	13.2	2.9	3.08

Theo ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Nhựa, cao su & sợi	8,048	4,300	6.4	1.1	0.50
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,988	5,436	6.5	1.6	0.39
Thép và sản phẩm thép	27,932	1,560	12.8	1.6	1.83
Khai khoáng	12,118	751	39.7	4.9	0.33
Vật liệu xây dựng & Nội thất	14,916	987	11.8	1.3	1.68
Xây dựng	23,071	402	22.0	0.8	3.19
Máy công nghiệp	8,365	2,915	8.4	1.5	0.66
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,688	3,097	10.9	1.2	0.43
Lốp xe	6,060	4,405	7.6	2.3	1.28
Nuôi trồng nông & hải sản	12,385	1,641	10.7	1.2	1.96
Thực phẩm	199,678	3,862	21.9	5.7	0.74
Dược phẩm	13,766	5,962	10.8	3.1	0.79
Phần mềm	13,492	5,015	8.3	1.9	1.11
Sản xuất & phân phối điện	20,490	2,218	6.3	1.2	1.17
Phân phối xăng dầu & khí đốt	128,491	6,178	9.6	3.6	0.45
Bảo hiểm nhân thọ	27,559	1,618	25.0	2.3	3.18
Môi giới chứng khoán	17,502	695	14.7	1.0	0.58
Ngân hàng	199,625	1,666	10.3	1.3	9.67
Bất động sản	128,054	1,345	16.9	2.8	2.07
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	26,081	3,971	8.2	1.4	1.45

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Ngân hàng Nhà nước sẽ thúc đẩy các ngân hàng lên sàn

Đã đạt 92,5% kế hoạch xuất khẩu lao động năm 2013

World Bank: Đầu tư vào các thị trường mới nổi sẽ giảm trong năm 2014

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

GDT - Ước vượt kế hoạch lợi nhuận cả năm sau 11 tháng

PXS - Tiền mặt dồi dào, trả nợ trước hạn 160 tỷ đồng

NSC - Tăng vốn lên 152 tỷ để thu tóm công ty cùng ngành

► Tin kinh tế

UBCKNN vừa có buổi làm việc với NHNN và thống nhất quan điểm sẽ hối thúc các ngân hàng cổ phần đại chúng lên sàn. Theo đó, NHNN sẽ có công văn thúc đẩy các ngân hàng thương mại cổ phần về việc niêm yết trong thời gian tới, bởi theo NHNN, niêm yết sẽ mang lại nhiều giá trị tích cực cho các ngân hàng nói riêng, cho công tác quản lý nói chung, xuất phát từ áp lực minh bạch thông tin theo quy định pháp lý. Được biết, hiện có khoảng 30 ngân hàng thương mại cổ phần đại chúng chưa niêm yết.

Theo Cục Quản lý lao động ngoài nước (Bộ LĐTBXH) tổng số nhân công xuất khẩu lao động đến hết tháng 11 năm 2013 là 78.664 người, đạt 92,5% chỉ tiêu kế hoạch năm. Riêng tháng 11, số lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài là 8.411 người, trong đó 3.058 là lao động nữ. Các thị trường trọng điểm như Đài Loan, Nhật Bản, Malaysia tiếp tục dẫn đầu số lượng xuất khẩu lao động trong tháng 11.

Theo Ngân hàng thế giới (World Bank), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các thị trường mới nổi sẽ giảm trong năm tới do các lo ngại về tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Nguồn vốn nước ngoài đổ vào các nước đang phát triển dự kiến sẽ giảm 4,5% trong năm 2014. Theo báo cáo của Cơ quan bảo đảm đầu tư Đa phương (MIGA), World Bank, lần đầu tiên trong 5 năm, các doanh nghiệp cho rằng những bất ổn về kinh tế vĩ mô là lực cản lớn nhất đối với việc đầu tư vào các thị trường mới nổi trong vòng 3 năm tới.

► Tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (HOSE: GDT) đã hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế cả năm 2013 sau 11 tháng với gần 37,9 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2012, lợi nhuận sau thuế 11 tháng năm nay tăng 3,78 tỷ đồng tương đương mức tăng hơn 11%. Tuy lợi nhuận đã cán đích kế hoạch cả năm 2013 nhưng doanh thu thuần 11 tháng đạt gần 210 tỷ đồng, tăng nhẹ 2,46% so với cùng kỳ và hoàn thành hơn 86%. Đáng chú ý là doanh thu hoạt động tài chính của công ty giảm nhẹ so với cùng kỳ, đạt 5,92 tỷ đồng nhưng so với kế hoạch năm thì công ty đã vượt 34,6%.

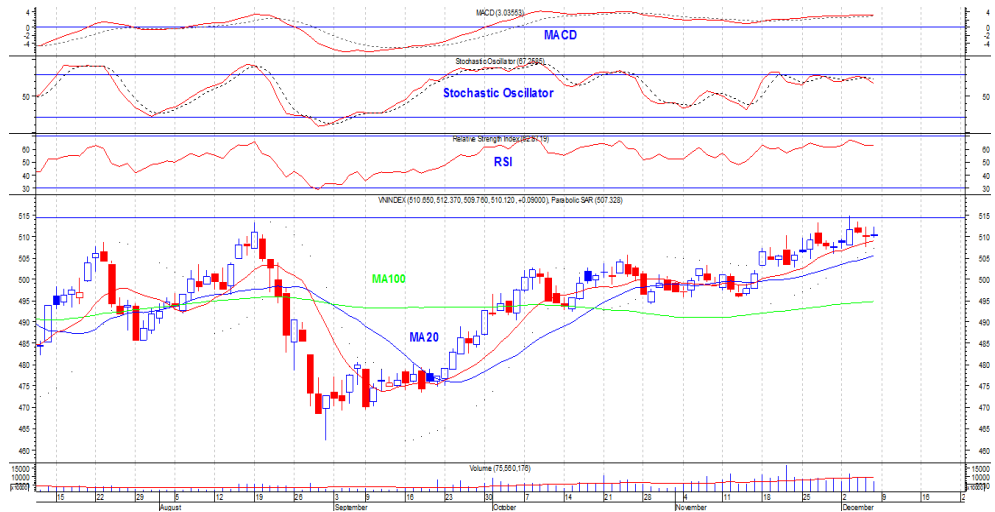
CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (HOSE: PXS) công bố Nghị quyết HĐQT về việc trả nợ trước hạn khoản vay dài hạn tại LienViet Post Bank. Sau khi thu được các khoản tiền từ việc phát hành riêng lẻ 9,4 triệu cổ phiếu, chuyển nhượng cổ phần của PVPIPE cho GAS và các nguồn tiền cân đối kinh doanh năm 2013, Giám đốc PXS đã trình HĐQT xem xét phương án trả nợ trước hạn 160 tỷ đồng cho khoản vay với Ngân hàng LienVietPostBank. HĐQT đã thông qua tờ trình này của Giám đốc. Nếu việc trả nợ trước được thực hiện, hệ số nợ dài hạn trên tổng tài sản trước khi trả nợ sẽ giảm từ 0,47 xuống còn 0,28 lần.

HĐQT CTCP Giống cây trồng Trung Ương (HOSE: NSC) thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 152,5 tỷ đồng. Theo đó, công ty sẽ phát hành 5,014,919 cp cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 với mức giá 65,000 đồng/cp. Đồng thời phát hành 250,243 cp cho cán bộ công nhân viên theo chương trình ESOP với giá 10,000 đồng/cp. Tổng số tiền huy động được khoảng 328 tỷ đồng, NSC sẽ dành 200 tỷ đồng đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu tại các công ty mục tiêu cùng ngành trên 51% vốn và các công ty có cùng chuỗi giá trị sản xuất lên trên 25% vốn; ngoài ra dành 28 tỷ đồng đầu tư, xây dựng hạ tầng và mua sắm trang thiết bị, phương tiện vận tải.

HOSE 06/12/2013 VNINDEX 510.12 0.09 0.02% 78,639,080 CP 1,085.25 bil VND

Thanh khoản sụt giảm, 2 sàn tăng điểm nhẹ

VN-Index tăng 0.09 điểm (+0.02%), đóng cửa tại mức 510.12 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn gần như nến Doji, dao động trong biên độ 510 - 512.
 - 2 đường MA10 và MA20 tiếp tục đi lên và đang rất gần với đường giá.
 - Tín hiệu MACD Histogram đi xuống tăng khả năng cắt xuống đường tín hiệu thời gian tới.
 - Stochastic Oscillator cho tín hiệu bán trở lại.
 - Dải Bollinger Band có xu hướng thắt lại, cho thấy xu hướng đi ngang của VN-Index đang dần củng cố.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.2 (2.5%)	4,049,460
ITA	-0.1 (-1.5%)	3,489,990
VHG	0 (0.0%)	2,536,960
PVT	-0.1 (-0.8%)	2,489,140
HQC	0 (0.0%)	2,132,420

HOSE Top 5 theo % tăng

TDW	1.1 (7.0%)	10
PTC	0.4 (6.9%)	7,810
SBC	0.6 (6.7%)	84,480
SJS	1 (6.7%)	252,650
BCI	1.2 (6.6%)	108,870

HOSE Top 5 theo % giảm

HOT	-2 (-6.9%)	100
VCF	-10 (-6.9%)	1,040
HHS	-2 (-6.6%)	21,150
NVN	-0.2 (-6.5%)	4,750
DCT	-0.2 (-6.3%)	109,730

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

GMD	20,1 tỷ	577,910
HPG	4,7 tỷ	118,820
DPM	4,5 tỷ	109,900
CTG	4,4 tỷ	256,620
DQC	3,6 tỷ	104,830

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-25,8 tỷ	#VALUE!
VIC	-8,0 tỷ	113,320
DRC	-3,9 tỷ	100,000
HBC	-3,5 tỷ	232,280
VCB	-2,8 tỷ	102,590

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	1,246,590	44.79

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Giao dịch trở nên tích cực hơn sau 2 phiên điều chỉnh vừa qua. Nhóm cổ phiếu "room" ngoại tiếp tục thu hút sự chú ý của dòng tiền.
- ▶ Thanh khoản sụt giảm mạnh so với những phiên vừa qua. Nhưng nhìn chung dòng tiền vẫn đang ở lại với thị trường và xoay vòng giữa từng nhóm cổ phiếu.
- ▶ Thị trường nhiều khả năng sẽ tiếp tục tích lũy vùng 510 - 513 điểm. Kỳ vọng thông tin về việc nói "room" khối ngoại sẽ giúp thị trường bứt phá thời gian tới.
- ▶ Khối ngoại mua ròng trở lại, lượng bán ròng mấy phiên vừa rồi mang tính chất cơ cấu và tập trung chủ yếu ở HAG. Nhìn chung khối ngoại vẫn đang mua gom khá tích cực.
- ▶ NĐT nên hạn chế sử dụng margin vùng này, việc nắm giữ cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt và kín "room" ngoại vẫn được ưu tiên.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
GAS	1,895.0	65.0	123,175.00	6,696	9.7	3.7	0.40
VNM	833.5	141.0	117,519.97	8,053	17.6	7.0	0.22
VCB	2,317.4	27.9	64,655.94	1,757	15.7	1.5	9.59
VIC	908.7	71.0	64,519.67	6,710	10.6	4.0	2.74
CTG	3,723.4	17.2	64,042.56	2,287	7.5	1.3	9.54
MSN	734.9	81.5	59,895.27	557	147.4	4.6	1.77
BVH	680.5	40.5	27,559.09	1,618	25.0	2.3	3.18
STB	1,142.5	16.9	19,308.45	703	24.0	1.2	8.60
PVD	275.3	62.0	17,066.21	6,609	9.4	1.6	1.13
HPG	419.1	39.8	16,678.29	3,913	10.2	1.8	1.41

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	12.4	2,884.24	18.4	1.1	NA	T.ĐỒI
PPC	318.2	24.8	7,890.23	3.9	1.5	NA	T.ĐỒI
PHR	78.5	32.4	2,543.08	6.1	1.3	31.0	GIỮ
BMP	45.5	71.5	3,251.71	8.7	2.3	NA	T.ĐỒI
VSC	28.6	51.5	1,475.27	6.7	1.9	NA	T.ĐỒI
DPM	379.9	41.1	15,615.30	6.3	1.6	NA	T.ĐỒI

HNX 06/12/2013 HNX-Index 66.09 0.02 0.03% 32,877,687 CP 254.15 bil. VND

Thanh khoản sụt giảm, 2 sàn tăng điểm nhẹ

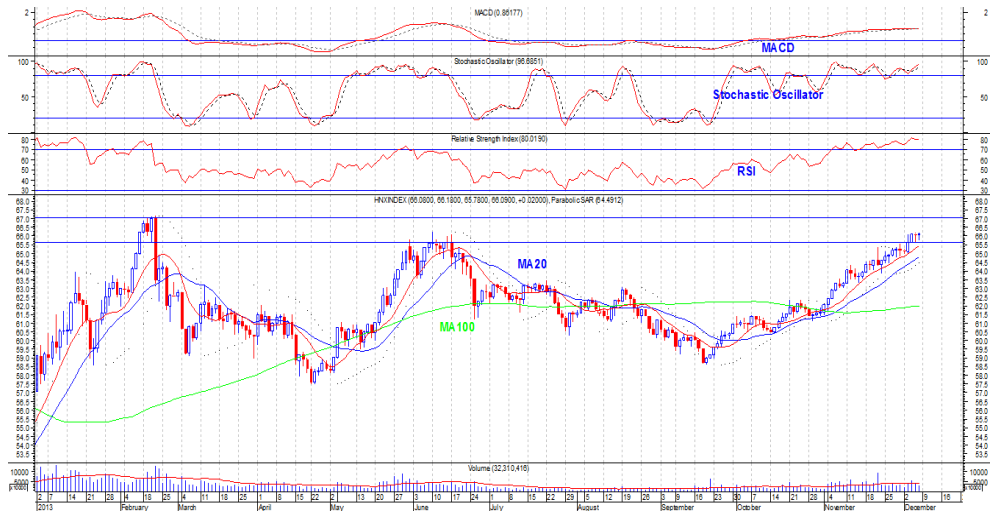
Chỉ số HNX-Index tăng 0.02 điểm (+0.3%), đóng cửa tại mốc 66.09 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, cây nến Doji thứ 2 liên tiếp của sàn này, thể hiện sự giằng co mạnh của chỉ số HNX-Index.

- 2 đường MA10 và MA20 hướng lên cho thấy xu hướng tăng điểm của sàn này đang khá mạnh.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator vẫn đang ở trong vùng quá mua.

- RSI (14) ở mức 80.

- ADX tiếp tục gia tăng mạnh cho thấy xu hướng tăng điểm vẫn đang được củng cố.



HNX Top 5 theo KLGD

SCR	0.1 (1.4%)	4,000,860
KLS	0 (0.0%)	1,962,590
PVX	0 (0.0%)	1,802,460
APS	-0.1 (-2.3%)	1,721,300
VCG	0 (0.0%)	1,529,740

HNX Top 5 theo % tăng

NVC	0.1 (11.1%)	449,100
BHV	0.3 (10.0%)	7,700
TTZ	0.4 (10.0%)	94,500
VE4	0.8 (10.0%)	-
VXB	0.8 (10.0%)	1,000

HNX Top 5 theo % giảm

FDT	-3.6 (-10.0%)	100
CMC	-0.5 (-9.6%)	100
IDV	-2.2 (-9.2%)	2,400
LUT	-0.5 (-9.1%)	120,100
SRA	-0.3 (-9.1%)	1,100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	0,7 tỷ	37,400
PGS	0,5 tỷ	18,300
SDH	0,3 tỷ	60,000
DAE	0,3 tỷ	20,500
SED	0,3 tỷ	15,400

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

CII	-5,5 tỷ	299,100
VIC	-3,2 tỷ	44,790
DRC	-2,1 tỷ	52,000
HBC	-1,5 tỷ	100,000
HAG	-1,4 tỷ	65,750

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	152,945	2.08

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Những cổ phiếu chủ chốt như SHB, PVS, ACB... giảm giá gây áp lực khá lớn tới chỉ số HNX-Index. Tuy nhiên, nỗ lực lấy giá đóng cửa cuối phiên giúp sàn này tăng nhẹ.
- ▶ Thanh khoản sụt giảm mạnh so với những phiên vừa qua. Nhưng nhìn chung dòng tiền vẫn đang ở lại với thị trường và xoay vòng giữa từng nhóm cổ phiếu.
- ▶ Động lực tăng điểm vẫn còn, mặc dù liên tục đối mặt với các mốc kháng cự. Kỳ vọng thông tin về việc nới "room" khối ngoại sẽ giúp thị trường bứt phá thời gian tới.
- ▶ Khối ngoại vẫn đang giữ nhịp mua ròng ở sàn này mặc dù lượng mua đã giảm xuống. Điều này giúp củng cố niềm tin cho nhà đầu tư khá nhiều.
- ▶ Việc nắm giữ các mã có yếu tố cơ bản tốt sẽ được ưu tiên nhiều hơn, hạn chế sử dụng margin và mua mới thêm khi thị trường có thể có thêm những nhịp điều chỉnh.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
ACB	921.5	15.6	14,375.64	1,027	15.3	1.1	11.53
SQC	110.0	78.2	8,602.00	198	395.7	6.4	0.24
PVS	446.7	18.2	8,129.95	2,872	6.3	1.1	2.15
SHB	886.1	6.9	6,113.98	1,884	3.7	0.6	10.63
OCH	200.0	26.0	5,200.00	687	37.4	2.4	0.95
VCG	441.7	10.6	4,682.13	403	26.3	0.9	3.58
PVI	226.3	16.7	3,778.45	1,239	13.5	0.6	0.81
LAS	77.8	35.6	2,770.82	5,181	6.9	2.2	1.11
NTP	43.3	59.0	2,556.94	7,195	8.2	2.1	0.44
VNR	100.8	22.3	2,248.46	3,470	6.3	0.9	0.91

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	28.2	1,071.60	5.1	1.2	NA	T.ĐỒI
AAA	19.8	18.1	358.38	5.2	0.7	NA	T.ĐỒI
VND	100.0	10.5	1,049.73	8.4	0.9	NA	T.ĐỒI
NTP	43.3	59.0	2,556.94	8.2	2.1	NA	T.ĐỒI
LHC	2.0	55.0	110.00	2.3	1.0	NA	T.ĐỒI
DXP	7.9	45.0	354.37	5.6	1.6	NA	T.ĐỒI

Nguyet A. Vu

nguyetva@vietinbanksc.com.vn

Mã CK DPR
Tên công ty Cao su Đồng Phú
Sở giao dịch HOSE
Ngành Nhựa, cao su & sợi
SLCPLH 42.1248 triệu CP
GTVH (tỷ) 2,014 tỷ VND

Giá hiện tại **47.8**
 Giá mục tiêu **53.0**

GIỮ

► DPR: Lũy kế 10 tháng, DPR đạt LNTT gần 287 tỷ đồng, tương đương 55,7% kế hoạch năm

DPR là công ty cao su có tỷ suất lợi nhuận tốt và năng suất khai thác cao nhất trong ngành, liên tiếp trong 4 năm giữ vị trí dẫn đầu trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của DPR luôn ổn định, tăng trưởng đều qua các năm.

Đến hết tháng 10/2013, các doanh nghiệp ngành cao su vẫn phải đối mặt với tình trạng giá bán mủ cao su liên tục sụt giảm. Giá bán bình quân 10 tháng đầu năm của DPR chỉ đạt 55 triệu đồng/tấn (-15,5% yoy). Lũy kế 10 tháng, DPR đạt LNTT gần 287 tỷ đồng (55,7% kế hoạch), khó có thể hoàn thành được kế hoạch đề ra đầu năm. Ngày 25/12, DPR sẽ chia cổ tức 15% bằng tiền mặt.

Mới đây, HĐQT của DPR đã thông qua phương án điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2013. Theo đó, LNTT sẽ giảm từ 515 tỷ đồng xuống còn 320 tỷ đồng, giá bán bình quân giảm 10 triệu đồng/tấn xuống còn 52 triệu đồng/tấn. Theo cơ cấu LN, mảng kinh doanh chính là cao su giảm 6% so với kế hoạch ban đầu (chiếm 68,1%), LN từ bán gỗ cao su tăng 7% (chiếm 23,1%), hoạt động tài chính chiếm tỷ lệ nhỏ (8,8%). Tuy nhiên, tỷ lệ cổ tức 30% bằng tiền mặt vẫn được giữ nguyên.

Giá mủ cao su vẫn có những tín hiệu giảm thêm, nhất là áp lực tăng cung mạnh vào cuối năm do bước vào vụ thu hoạch rộ mủ cao su. Do đó trong ngắn hạn DPR vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn. Tuy nhiên, DPR vẫn được đánh giá là DN có hiệu quả kinh doanh tốt với lợi thế vườn cây đang trong độ tuổi cho năng suất cao (chiếm 76% tổng diện tích). Bên cạnh đó, nhờ có cơ chế tính chi phí giá thành theo doanh thu nên các công ty trong ngành luôn có lợi nhuận.



Lũy kế 9 tháng 2013, DPR đạt 760 tỷ đồng doanh thu, LNTT đạt 261 tỷ đồng, giảm lần lượt 31% và 50% (yoy). Biên lợi nhuận gộp duy trì ở mức 37% (yoy). Nguyên nhân chính do giá bán cao su giảm mạnh và tình hình tiêu thụ giảm sút.

DPR có lượng tiền mặt khá dồi dào nhờ hoạt động kinh doanh luôn có lãi trong thời gian qua. Vốn và tài sản được sử dụng hiệu quả và không ngừng tăng lên.

Chỉ số EPS của DPR hiện đang ở mức cao nhất trong ngành và nằm trong top các DN có EPS cao nhất trên thị trường, kéo theo chỉ số P/E (5.0 lần) thấp hơn mức trung bình. Hệ số nợ thấp (0,25 lần), hệ số P/B (0,9 lần) tương đối hợp lý so với mức trung bình của ngành.

Theo phương pháp định giá so sánh nhiều chỉ số, mức giá hợp lý của DPR là 53.000 đồng/CP, cao hơn 11% so với mức giá hiện tại, khuyến nghị "NĂM GIỮ" đối với CP DPR.

Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

	12Q2	12Q3	12Q4	13Q1	13Q2	13Q3
Doanh thu	189	459	436	228	176	324
Lợi nhuận gộp	89	175	185	82	86	103
Lợi nhuận kinh doanh	77	161	156	66	72	87
Lợi nhuận trước thuế	101	173	184	78	98	81
Lãi ròng	88	164	171	71	87	76
Tiền và tương đương tiền	680	605	646	523	588	449
Tài sản khác	1,749	1,933	2,151	2,207	2,136	2,407
Tổng tài sản	2,429	2,538	2,797	2,730	2,724	2,856
Công nợ	510	436	546	425	466	552
Vốn chủ sở hữu	1,920	2,102	2,251	2,305	2,259	2,304

Mã CK	SLCPLH	Giá	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Một số công ty cùng lĩnh vực hoạt động							
DPR	42.1	47.8	2,013.56	9,591	5.0	0.9	0.25
HRC	17.3	48.7	840.61	3,221	15.1	1.7	0.34
PHR	78.5	32.2	2,527.38	5,241	6.1	1.3	0.51
TNC	19.3	14.7	282.98	2,011	7.3	0.9	0.13
TRC	29.1	41.9	1,220.34	9,238	4.5	0.9	0.32
-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-

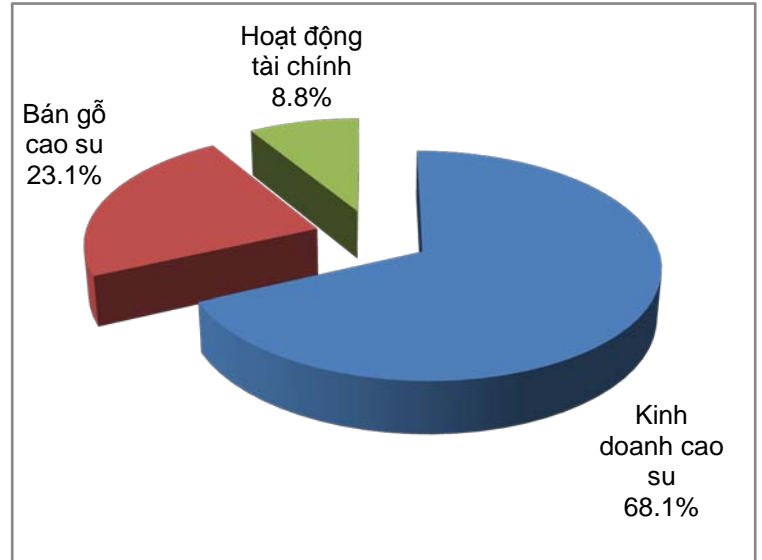
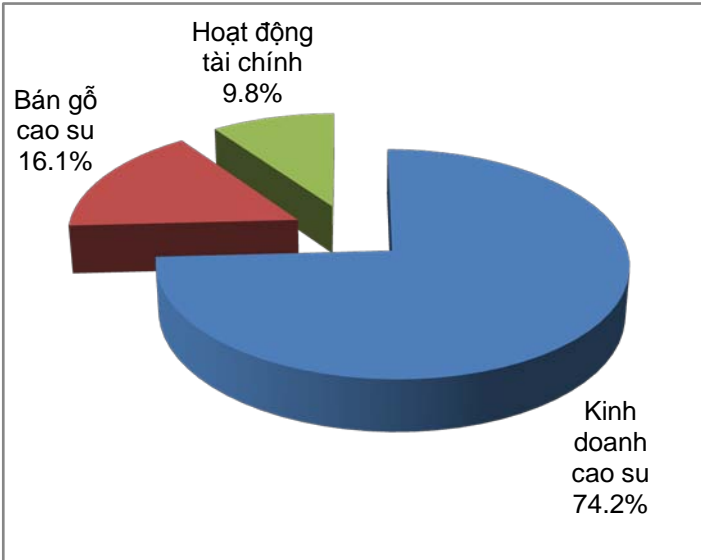
Chỉ số bình quân ngành

Nhựa, cao su & sợi	8,048.00	4,300	6.4	1.1	0.50
--------------------	----------	-------	-----	-----	------

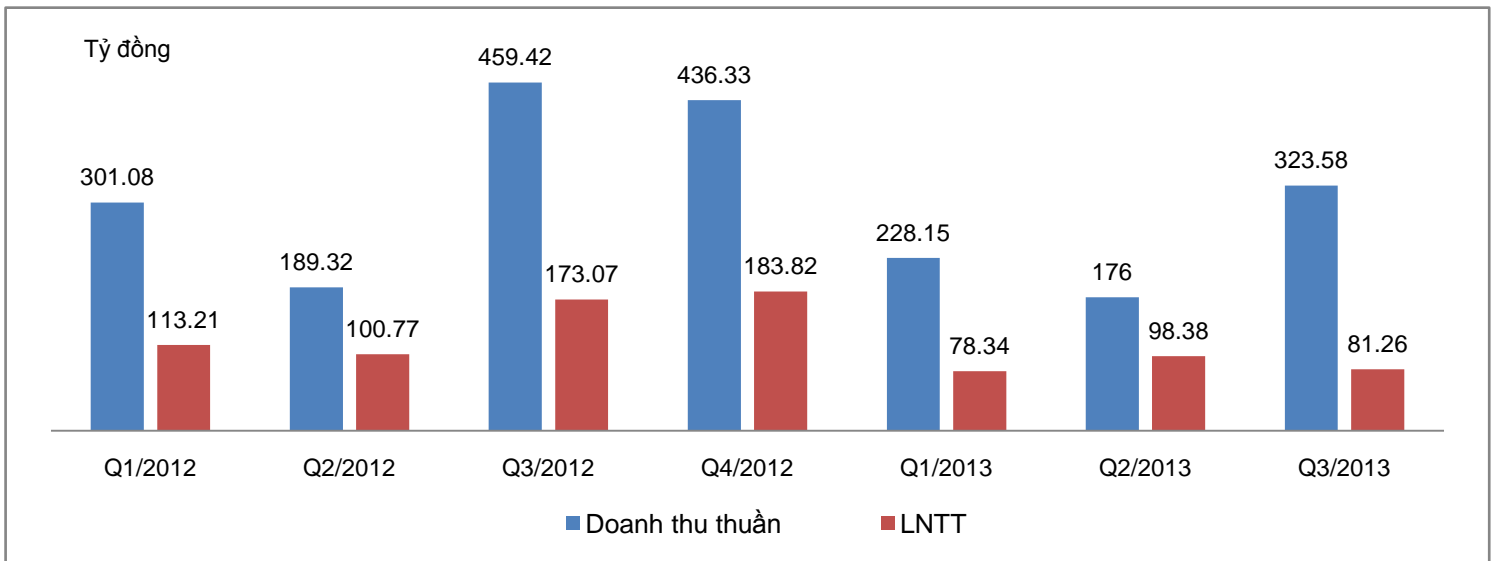
► Cơ cấu lợi nhuận trước thuế

Kế hoạch đầu năm 2013

Kế hoạch điều chỉnh năm 2013



► Tình hình tăng trưởng Doanh thu - Lợi nhuận trước thuế



KQKD	2009	2010	2011	2012
Doanh thu thuần	648	1,028	1,837	1,377
Giá vốn hàng bán	(415)	(565)	(971)	(824)
Lãi gộp	233	463	866	553
Chi phí bán hàng	(6)	(12)	(14)	(14)
Chi phí quản lý	(29)	(74)	(85)	(54)
Lợi nhuận hoạt động	199	377	766	485
Chi phí khác (ròng)	3	33	9	12
- Thu nhập khác	12	65	12	14
- Chi phí khác	(8)	(32)	(2)	(3)
EBIT	202	411	776	496
Chi phí tài chính (ròng)	18	23	95	92
- Thu nhập tài chính	27	36	107	98
- Chi phí tài chính	(9)	(13)	(12)	(6)
+ Chi phí lãi vay	(15)	(9)	(3)	(3)
LNR trước thuế	221	433	871	589
Thuế TNDN	(10)	(39)	(68)	(50)
LNR sau thuế	211	395	803	538
Lợi ích thiểu số	(0)	(0)	(0)	(1)
LNR sau lợi ích thiểu số	211	394	802	537

BÁO CÁO DÒNG TIỀN	2009	2010	2011	2012
LNR sau lợi ích thiểu số	21	39	80	54
Điều chỉnh				
+ Khấu hao	217	23	29	46
+ Dự phòng	14	25	(3)	(17)
+ Lợi ích thiểu số	17	10	2	55
+ Đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
+ Chi phí tài chính ròng	(19)	(25)	(103)	(100)
Tiền từ hoạt động k.doanh	525	527	659	450
- Tăng đầu tư máy móc	(784)	(58)	(64)	(211)
- Tăng đầu tư TCSD	-	-	(20)	(30)
- Tăng đầu tư TC ng.hạn	(11)	(29)	(130)	(224)
- Tăng đầu tư TC d.hạn	(265)	(78)	(108)	0
- Tăng khác	(34)	34	(0)	(3)
Tiền từ hoạt động đầu tư	(1,094)	(131)	(323)	(468)
Tiền tự do	(569)	396	336	(18)
- Cổ tức đã trả	254	(203)	(160)	(267)
Tiền sau trả cổ tức	(314)	193	176	(285)
+ Tăng góp vốn cổ phần	400	30	-	-
+ Tăng góp vốn khác	-	147	-	-
+ Tăng khác	-	-	-	-
- Tăng cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
+ Tăng nợ	191	(133)	98	109
Tiền từ hoạt động t.chính	845	(159)	(62)	(158)
Tiền trước ch.lịch t.giá	276	238	274	(176)
+ Chênh lệch tỷ giá	2	(9)	41	0
Dòng tiền mặt ròng	279	229	315	(176)
Tiền mặt đầu kỳ	-	279	508	822
Tiền mặt cuối kỳ	279	508	822	646

BẢNG CÂN ĐỐI	2009	2010	2011	2012
Tài sản lưu động	393	748	1,343	1,518
Tiền và tương đương	279	508	822	646
Đầu tư t.chính ng.hạn	11	40	170	394
Các khoản phải thu	43	79	131	177
Tồn kho	38	99	192	226
Tài sản lưu động khác	21	22	26	74
Tài sản cố định / dài hạn	854	928	1,087	1,303
Phải thu dài hạn	-	-	-	-
Đầu tư t.chính dài hạn	253	327	430	448
Máy móc, thiết bị (ròng)	383	367	389	517
Máy móc, thiế bị (d.dang)	184	234	248	286
Đầu tư BĐS dài hạn	-	-	20	48
Tài sản dài hạn khác	34	0	1	4
TỔNG TÀI SẢN	1,246	1,676	2,430	2,821
Công nợ	361	421	491	557
Nợ ngắn hạn	330	367	333	377
Nợ dài hạn	32	54	158	180
Vốn chủ sở hữu	868	1,227	1,910	2,180
Vốn góp CSH	400	430	430	430
Các quỹ	257	320	590	819
Lợi nhuận chưa p.phối	211	330	743	784
Khác	-	147	147	147
Lợi tích cổ đông thiểu số	17	27	29	84
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	1,246	1,676	2,430	2,821

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2009	2010	2011	2012
Tăng trưởng				
Doanh thu thuần		58.6%	78.6%	-25.1%
Lợi nhuận gộp		98.3%	87.1%	-36.1%
Lợi nhuận ròng		87.2%	103.5%	-33.0%
Tổng tài sản		34.5%	45.0%	16.1%
Vốn chủ sở hữu		41.5%	55.6%	14.1%
Khả năng thanh toán				
Nợ ngắn hạn	1.19	2.04	4.03	4.02
Thanh toán nhanh	1.07	1.77	3.46	3.43
Tiền mặt	0.88	1.49	2.98	2.76
Hoạt động				
Vòng quay tiền mặt	2.33	2.02	2.23	2.13
Vòng quay khoản p.thu	20.62	39.20	45.09	18.26
Vòng quay tồn kho	10.79	5.71	5.05	3.65
Đòn bẩy tài chính				
Nợ/Tổng tài sản	0.29	0.25	0.20	0.20
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.42	0.34	0.26	0.26
Hệ số trả chi phí lãi vay	26.04	33.64	75.61	106.63
Khả năng sinh lợi				
Tỷ suất lãi gộp	36.0%	45.0%	47.1%	40.2%
Tỷ suất lãi hoạt động	30.7%	36.7%	41.7%	35.2%
Tỷ suất lãi ròng	32.5%	38.3%	43.7%	39.0%
Lợi nhuận/Tổng tài sản	16.9%	23.5%	33.0%	19.0%
Lợi nhuận/Vốn CSH	24.3%	32.1%	42.0%	24.6%
Tiền HĐKD/Tổng TS	42.2%	31.5%	27.1%	15.9%
Chỉ số khác				
Lợi nhuận/Cổ phiếu	5.27	9.17	18.66	12.48
Giá trị sổ sách/CP	21.69	28.54	44.42	50.70

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,048	4,300	6.4	1.1	0.50
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,988	5,436	6.5	1.6	0.39
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,058	302	18.7	0.5	2.12
Sản xuất giấy	585	397	17.2	0.7	0.97
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	27,932		12.8	1.6	1.83
Khai khoáng					
Khai thác than	1,404	312	29.7	0.7	5.21
Khai khoáng	12,118	751	39.7	4.9	0.33
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	14,916	987	11.8	1.3	1.68
Xây dựng	23,071	402	22.0	0.8	3.19
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,028	2,581	7.0	1.1	1.03
Công nghiệp phức hợp	379	1,656	5.5	0.5	0.34
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,621	1,284	10.4	1.3	1.06
Thiết bị điện	1,475	458	12.1	0.6	1.12
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	29	53	99.7	0.4	0.43
Máy công nghiệp	8,365	2,915	8.4	1.5	0.66
Vận tải					
Vận tải thủy	6,474	2,796	2.8	0.8	1.78
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,688	3,097	10.9	1.2	0.43
Dịch vụ vận tải	4,503	1,673	10.0	1.3	0.80
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,675	1,806	8.4	1.0	2.95
Đào tạo & Việc làm	205	369	20.5	0.6	2.01
Nhà cung cấp thiết bị	169	885	8.9	0.8	2.40
Chất thải & Môi trường	115	6,524	1.8	0.7	1.30
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,916	1,077	14.3	3.8	32.44
Lốp xe	6,060	4,405	7.6	2.3	1.28
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,269	2,750	6.4	1.0	0.88
Vang & Rượu mạnh	204	1,484	15.3	1.6	1.01
Đồ uống & giải khát	197	3,598	5.1	1.0	0.41
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	12,385	1,641	10.7	1.2	1.96
Thực phẩm	199,678	3,862	21.9	5.7	0.74
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	40	692	4.8	0.5	0.31
Thiết bị gia dụng	2,084	2,036	8.5	1.0	1.17
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	163	4,808	3.7	1.4	0.45
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,543	2,422	8.4	1.2	1.61
Giày dép	6	1,938	1.9	0.2	0.59
Hàng cá nhân	4,766	3,085	9.8	1.7	0.92
Thuốc lá					
Thuốc lá	676	-	26.4	0.9	2.66

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,097	2,542	7.6	1.0	0.61
Dụng cụ y tế	86	5,281	2.4	1.1	1.30
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	151	870	15.2	0.9	0.43
Dược phẩm	13,766	5,962	10.8	3.1	0.79
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	428	453	75.0	1.3	2.65
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	571	471	28.3	0.9	1.07
Phân phối hàng chuyên dụng	2,692	3,177	8.4	1.6	3.95
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2,492	3.3	0.4	0.78
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	972	1,589	6.9	0.8	0.62
Du lịch và giải trí					
Hàng không	99	4,511	7.3	2.2	1.04
Khách sạn	5,605	583	40.0	2.4	0.90
Dịch vụ giải trí	1,956	605	21.1	1.7	0.79
Vận tải hành khách & Du lịch	1,092	914	19.2	2.0	0.52
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	36	628	8.4	0.3	0.76
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	422	63	79.1	0.6	1.29
Internet	318	72	59.9	0.8	3.45
Phần mềm	13,492	5,015	8.3	1.9	1.11
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	296	555	12.8	0.5	1.43
Thiết bị văn phòng	196	3,383	4.6	0.7	0.21
Thiết bị viễn thông	1,950	705	14.3	0.7	0.32
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	20,490	2,218	6.3	1.2	1.17
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	128,491	6,178	9.6	3.6	0.45
Nước	914	2,445	4.9	0.9	0.61
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,107	959	9.6	0.8	1.93
Bảo hiểm phi nhân thọ	5,791	1,272	11.2	0.7	0.87
Tái bảo hiểm	2,218	3,470	6.3	0.9	0.91
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	27,559	1,618	25.0	2.3	3.18
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,570	196	60.6	1.1	2.61
Môi giới chứng khoán	17,502	695	14.7	1.0	0.58
Ngân hàng					
Ngân hàng	199,625	1,666	10.3	1.3	9.67
Bất động sản					
Bất động sản	128,054	1,345	16.9	2.8	2.07
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	720	4.6	0.4	1.03
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	26,081	3,971	8.2	1.4	1.45

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.